

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH

Số: 18/2019/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Định, ngày 13 tháng 6 năm 2019

SỞ TƯ PHÁP TỈNH NAM ĐỊNH

Số: 1390  
Ngày: 20/06  
Chuyển:

## QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi  
trên địa bàn tỉnh Nam Định

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 128/TTr-SNN ngày 29 tháng 5 năm 2019 và Báo cáo thẩm định số 81/BC-STP ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Sở Tư pháp về việc quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 6 năm 2019.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- CPVP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Website tỉnh; Website VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Phùng Hoan**



**QUY ĐỊNH**

**Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 18 /2019/QĐ-UBND  
ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định về phạm vi bảo vệ các công trình thủy lợi, bao gồm các công trình thủy lợi và vùng phụ cận của công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2. Đối với các công trình thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước thì vùng phụ cận của công trình áp dụng theo quy định của Nghị định.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Nam Định; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định.

**Điều 3. Nguyên tắc bảo vệ**

1. Trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh mọi hoạt động đều phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo không gây cản trở cho việc vận hành và an toàn công trình; phải có đường đi lại để quản lý, có mặt bằng để bảo trì và sửa chữa công trình khi xảy ra sự cố.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng có liên quan đến phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, trước khi triển khai dự án chủ đầu tư phải có văn bản thỏa thuận với đơn vị khai thác công trình thủy lợi.

3. Khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư kiên cố hóa kênh, làm đường trên bờ kênh. Trước khi xây dựng phải có văn bản thỏa thuận với đơn vị khai thác công trình thủy lợi về giải pháp kỹ thuật, quy mô, kết cấu xây dựng; cam kết không gây ảnh hưởng tới việc quản lý, vận hành kênh và không được đền bù khi Nhà nước đầu tư tu bổ, sửa chữa kênh.



**Điều 4.** Các hành vi nghiêm cấm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được xác định theo quy định tại Điều 8 Luật Thủy lợi.

**Điều 5.** Xử lý công trình hiện có và công trình vi phạm mới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Các công trình hiện có nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thì xử lý theo quy định tại Điều 48 Luật Thủy lợi.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất mà đất đó nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thì thực hiện theo Khoản 3 Điều 157 Luật Đất đai năm 2013.

3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, tất cả các công trình vi phạm mới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải được xử lý dỡ bỏ hoặc di dời.

**Điều 6.** Trường hợp phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi nằm trong hành lang bảo vệ đê điều, thoát lũ thì khu vực đó thuộc vào hành lang bảo vệ đê điều, thoát lũ và tuân thủ theo quy định của Luật Đê điều, Luật Phòng chống thiên tai.

**Điều 7.** Trường hợp phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi nằm trong khu vực bảo tồn thiên nhiên hoặc trong phạm vi bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa hoặc khu vực an ninh quốc phòng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo tồn thiên nhiên; bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và bảo vệ an ninh, quốc phòng.

**Điều 8.** Các diện tích đất trồng lúa, trồng cây ngắn ngày, làm muối nằm trong vùng phụ cận của công trình thủy lợi được tiếp tục canh tác nhưng không được xây dựng hoặc thực hiện các hoạt động gây mất an toàn cho công trình thủy lợi và phải chấp nhận thu hồi đất khi Nhà nước yêu cầu.

## **Chương II**

### **PHẠM VI VÙNG PHỤ CẬN CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

#### **Điều 9. Đối với kênh**

1. Chiều rộng lòng kênh phải đảm bảo đủ năng lực tưới tiêu nước cho lưu vực theo quy hoạch thủy lợi được duyệt. Hệ số mái kênh phải đảm bảo giữ ổn định cho kênh trong suốt quá trình vận hành, tạo điều kiện thuận lợi để nạo vét kênh bằng cơ giới.

2. Chiều rộng bờ kênh của tất cả cấp kênh phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung, có đường phục vụ quản lý vận hành kênh, đáp ứng điều kiện thi công bằng cơ giới khi nạo vét, sửa chữa, nâng cấp kênh và tạo điều kiện để cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp.

a) Đối với kênh từ cấp III trở xuống: Chiều rộng bờ kênh đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhưng không nhỏ hơn 1,0-2,0m.

b) Đối với các kênh còn lại: Chiều rộng bờ kênh không nhỏ hơn 3,0m.



### 3. Lưu lượng để xác định vùng phụ cận

a) Lưu lượng để xác định phạm vi vùng phụ cận là lưu lượng lớn nhất theo quy hoạch mà kênh phải chuyển tải.

b) Trường hợp kênh chia ra làm các đoạn với các cấp lưu lượng khác nhau hoặc kênh gồm đoạn kênh đất và đoạn đã kiên cố hoá thì phạm vi bảo vệ kênh được xác định cho từng đoạn kênh tương ứng với lưu lượng và kết cấu kênh.

4. Vùng phụ cận của kênh được tính từ chân mái ngoài bờ kênh quy hoạch (*trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy hoạch thủy lợi và các quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này*) trở ra một khoảng như sau:

a) Kênh có lưu lượng từ  $2\text{m}^3/\text{s}$  trở lên, vùng phụ cận được xác định theo quy định tại Khoản 4 Điều 40 của Luật Thủy lợi.

b) Kênh có lưu lượng dưới  $2\text{m}^3/\text{s}$ : Đối với kênh đất vùng phụ cận là 2,0m. Đối với kênh đã kiên cố hoá và kênh cấp III vùng phụ cận là 1,0m.

c) Trường hợp chiều rộng bờ kênh lớn hoặc không xác định được chân mái ngoài bờ kênh thì vùng phụ cận được tính từ mép trong bờ kênh theo quy hoạch trở ra một khoảng bằng chiều rộng bờ kênh yêu cầu (*theo Khoản 2 Điều này*) cộng thêm 3,0m đối với kênh có lưu lượng từ  $2\text{m}^3/\text{s}$  trở lên và 2,0m đối với kênh có lưu lượng dưới  $2\text{m}^3/\text{s}$ .

5. Trường hợp đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kênh đã kết hợp làm đường giao thông (*do ngành Giao thông hoặc địa phương quản lý*) thì phạm vi bảo vệ kênh tính đến hết phần lề đường phía tiếp giáp kênh của đường giao thông hoặc đến phần cọc tiêu của đường. Khi quy hoạch làm đường giao thông ven kênh phải đảm bảo nền đường cách mép trong bờ kênh thiết kế tối thiểu 1,5m và việc phát triển mạng lưới giao thông không làm ảnh hưởng tới năng lực, an toàn công trình thủy lợi.

### **Điều 10. Đối với trạm bơm**

1. Phạm vi vùng phụ cận trạm bơm được xác định từ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng, đưa công trình vào sử dụng (*hoặc đất do địa phương bàn giao cho đơn vị khai thác hoặc đất trong hàng rào, cột mốc bảo vệ*) trở ra mỗi phía 1,0m.

2. Phạm vi bảo vệ kênh dẫn vào bể hút và kênh xả trạm bơm áp dụng theo Điều 9 Quy định này.

### **Điều 11. Đối với cống trên đê sông và đê biển**

Phạm vi vùng phụ cận đối với các cống trên đê sông Hồng, sông Đào, sông Đáy, sông Ninh Cơ, sông Sò, sông Quần Liêu, sông Sắt; cống trên đê biển và cống Nhất Đới 2 (*thuộc hệ thống công trình thủy lợi Xuân Thủy*) là phạm vi từ phần xây đúc cuối cùng của cống trở ra mỗi phía 50m.



**Điều 12. Đối với công trình, cụm công trình xây đúc nội đồng khác: cống lấy nước, cống tiêu nước, cống điều tiết, cầu máng, xi phông, cống luồn,..**

1. Phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của công trình, cụm công trình trở ra mỗi phía một khoảng như sau:

| TT | Tổng chiều rộng thông nước của công trình (m) | Phạm vi vùng phụ cận (m) |
|----|-----------------------------------------------|--------------------------|
| 1  | Dưới 2,0                                      | 3,0                      |
| 2  | $\geq 2,0$ :-3,0                              | 5,0                      |
| 3  | $\geq 3,0$ :-5,0                              | 7,0                      |
| 4  | Trên 5,0                                      | 10,0                     |

2. Trường hợp phạm vi bảo vệ công trình trên kênh áp dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều này, nhỏ hơn phạm vi bảo vệ kênh thì được áp dụng bằng phạm vi bảo vệ kênh.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

### **Điều 13. Trách nhiệm của các Sở**

#### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, các địa phương, đơn vị có liên quan trong việc tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn thực hiện các nội dung của Quy định này và các quy định hiện hành khác của pháp luật về thủy lợi.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan thẩm định hồ sơ xin cấp, thu hồi, gia hạn giấy phép đối với các hoạt động phải có giấy phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Điều 44 Luật Thủy lợi.

c) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương quản lý chặt chẽ phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; xử lý và tham mưu xử lý trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

d) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình chấp hành phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, những vi phạm và xử lý vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.



## 2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị, tổ chức khai thác công trình thủy lợi và soát hiện trạng, quản lý sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình.

b) Chủ trì tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi, đền bù, giao đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

## 3. Sở Giao thông vận tải

Phối hợp với Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xác định lộ giới, phạm vi bảo vệ các công trình thủy lợi có kết hợp giao thông.

## 4. Sở Tài chính

Tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định hiện hành.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã**

1. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và nội dung của Quy định này để các đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn được biết và thực hiện.

2. Giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực thủy lợi tại địa phương. Ngăn chặn và kịp thời xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi trên địa bàn. Tổ chức di dời, dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

3. Báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về tình hình chấp hành phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi những vi phạm và xử lý vi phạm về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

### **Điều 15. Trách nhiệm của các tổ chức khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước được giao khai thác công trình thủy lợi.**

1. Căn cứ các nội dung của quy định này, xác định cụ thể và thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện về phạm vi bảo vệ của từng công trình thủy lợi được giao quản lý, khai thác.

2. Kiểm tra, tổng hợp danh mục các công trình vi phạm hiện có (từ trước khi Quyết định này có hiệu lực) và đề xuất giải pháp xử lý phù hợp với quy định tại Điều 5, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xử lý theo quy định.

3. Trực tiếp khai thác, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, phân loại vi phạm trong hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, kịp thời báo cáo và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xử lý dứt điểm những vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Lắp đặt biển báo thể hiện rõ phạm vi bảo vệ công trình ở những khu vực dễ bị lấn chiếm; biển nghiêm cấm vứt rác thải, đổ thải xuống kênh mương ở những khu vực đông dân cư, chợ.

5. Hàng tháng tổng hợp, báo cáo tình hình vi phạm, kết quả xử lý vi phạm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong ngày làm việc đầu tiên của tháng.

6. Trước khi sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình trên các tuyến kênh liên huyện do từ 02 đơn vị trở lên khai thác phải lấy ý kiến thống nhất với các đơn vị khai thác công trình thủy lợi có liên quan.

#### **Điều 16. Tổ chức thực hiện**

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Phùng Hoan**